

Số: 07/2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 128/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Phạm Trung Đ**, sinh năm 1997; Địa chỉ: **Thôn X, xã T, tỉnh Tuyên Quang**. Căn cước công dân số: 002097008910, cấp ngày 25/06/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - **Bộ C**.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 2003; Địa chỉ: **Thôn X, xã T, tỉnh Tuyên Quang**. Căn cước công dân số: 002303005332, cấp ngày 25/04/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - **Bộ C**.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2025,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Phạm Trung Đ** và chị **Nguyễn Thị N**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Phạm Trung Đ** và chị **Nguyễn Thị N** tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về nuôi con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu **Phạm Hoài A**, sinh ngày 31/05/2022. Khi ly hôn, anh **Phạm Trung Đ** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **Phạm Hoài A** cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Chị **Nguyễn Thị N** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung anh **Đ**, chị **N** có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, công nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Anh **Phạm Trung Đ** tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001428 ngày 14/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Trả lại anh **Phạm Trung Đ** số tiền tạm ứng án phí đã nộp còn lại là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị **Nguyễn Thị N** không phải chịu án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 5 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Tân Quang (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Hải Hà